

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-06-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Thiết.

2. Ông Ngô Thanh Xuân.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/2021/TB-TA ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 2000 - (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn LS, xã D, huyện L, tỉnh B.

**\* Bị đơn:** Anh Lương M Đ, sinh năm 1992 - (Có mặt).

Địa chỉ : Thôn B, xã NH, huyện L, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/3/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:* Chị và anh Lương M Đ đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện L ngày 16/4/2019. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Đ làm dâu ngay và sống cùng với bố mẹ anh Đ. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ tháng 10 năm 2020, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ hay nhậu nhẹt, say xỉn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Kể từ tháng 10/2020 chị và anh Đ ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn LS, xã D, huyện L sinh sống cho đến nay.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Giữa chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Lương MA, sinh ngày 17/9/2019. Hiện nay cháu Lương MA đang ở với anh Đ. Khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì thời điểm đó chị chưa sắp xếp được thời gian và công việc nên chị để anh Đ đón cháu về chăm sóc nuôi dưỡng. Nay do cháu con nhỏ, mẹ đẻ chị đồng ý chăm sóc cháu khi chị đi làm, do đó chị đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn thì giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Lương MA. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn anh Lương M Đ tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trình bày:* Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn giữa hai vợ chồng tôi như chị H khai là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H có những bất đồng trong cuộc sống về tính cách, lối sống, anh thường xuyên say xỉn, nhậu nhẹt nên vợ chồng xảy ra xô xát. Hiện nay vợ chồng sống ly thân và không hòa giải được mâu thuẫn, anh xác định không còn tình cảm với chị H. Tuy nhiên, chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh không bỏ vợ mà do chị H tự làm đơn bỏ chồng bỏ con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương MA, sinh ngày 17/9/2019. Hiện nay cháu Anh đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Anh cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý để chị H nuôi con chung, vì nhà chị H không đủ người trông con bằng nhà anh, nhà anh có bố mẹ anh hỗ trợ anh trông cháu để anh đi làm.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Theo biên bản xác minh của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương xác nhận trong quá trình chung sống chị H và anh Đ cư trú tại thôn B, xã NH, huyện L. Chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ cụ thể như thế nào, giữa chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Lương MA, sinh ngày 17/9/2019, hiện nay chị H về nhà bố mẹ đẻ ở xã D sinh sống. Tuy nhiên cháu Lương MA vẫn được gia đình anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

\* Theo biên bản xác minh của Tòa án với ông Lương VM và bà Ninh Thị H (ông Môn, bà H là bố mẹ đẻ của anh Đ) cho biết như sau: Anh Đ và chị H đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H về nhà ông bà làm dâu ngay và chung sống cùng với ông bà. Quá trình chung sống anh Đ và chị H đi làm công ty từ sáng đến tối mới về nhà. Kể từ tháng 8 năm 2020 thì anh chị phát sinh mâu

thuần, sau đó chị H mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau đó một tuần chị H gọi điện cho gia đình xuống đón cháu về nuôi. Hàng tháng chị H có về thăm con được 1 lần và cho con uống sữa, gói bánh. Nay chị H xin ly hôn anh Đ thì gia đình có quan điểm đây là việc riêng của anh chị, anh chị không ở được cùng nhau nữa thì gia đình đồng ý cho anh chị ly hôn. Về con chung: Chị H, anh Đ có 01 con chung là cháu Lương MA, sinh ngày 17/9/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng anh Đ và ông bà. Hàng ngày ông bà là người chăm sóc con cho anh Đ đi làm. Nay chị H có nguyện vọng nuôi con thì gia đình ông bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Điều kiện nhà bố mẹ đẻ chị H neo người, không có điều kiện chăm sóc con cho chị H, gia đình ông bà ở nhà nên chăm sóc được con giúp anh Đ và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

\* Tại phiên tòa:

- Chị H có mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, xin được nuôi con, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

- Anh Đ có mặt tại phiên tòa, anh xác định không còn tình cảm với chị H nhưng anh không đồng ý ly hôn chị H vì việc ly hôn là chị H là người làm đơn ly hôn bỏ chồng chứ anh không bỏ vợ; anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung.

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương MA, sinh ngày 17/9/2019.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

+ Về con chung: Công nhận thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lương MA, sinh ngày 17/9/2019.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét (HĐXX) thấy:

[1] Đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Lương M Đ đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện L ngày 16/4/2019, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị H và anh Đ đều xác định trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn nên xảy ra xô xát. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nhưng chị H kiên quyết xin giải quyết ly hôn. Chị H và anh Đ sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay, cả hai xác định không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. HĐXX thấy, tình trạng mâu thuẫn của chị H và anh Đ đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị H và anh Lương M Đ ly hôn.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương MA, sinh ngày 17/9/2019. Tại phiên tòa, chị H và anh Đ cùng thống nhất thỏa thuận chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lương MA, sinh ngày 17/9/2019. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên,

giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương MA, sinh ngày 17/9/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền thăm nom con chung và không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lương M Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh Đ, giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả con chung là Lương MA, sinh ngày 17/9/2019.

Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Án phí:

- Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002910 ngày 15/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Minh Thiết + Ngô Thanh Xuân**

**Vũ Thị Thiêm**